

Số: **1635/QĐ-UBND**

Đắk Nông, ngày **16** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của HĐND tỉnh về Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 189/TTr-SNN ngày 01 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. các Huyện ủy, Thị ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN(Thị).

18

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. Mục tiêu

- Nâng cao giá trị, hiệu quả, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ quốc tế và trong nước nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm ngành hàng và toàn ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.

- Xác định chủ thể tham gia các chuỗi giá trị sản phẩm trong nông nghiệp, xác định những khó khăn của từng khâu trong chuỗi, đề xuất chiến lược nâng cấp chuỗi nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích các chủ thể tham gia chuỗi, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện nhanh đời sống nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

- Phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu: Chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm; giá cả nông sản hợp lý, có sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu; khối lượng nông sản phải có quy mô đủ lớn theo yêu cầu thị trường; thời gian cung ứng phải kịp thời và đúng hạn theo yêu cầu khắt khe của các nhà nhập khẩu nông sản.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; tận dụng tối đa lợi thế về khí hậu, đất đai và nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới nhằm xây dựng nền nông nghiệp đa canh và phát triển bền vững với môi trường sinh thái; phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần giải quyết việc làm, nâng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

- Các hoạt động tái cơ cấu phải đáp ứng mục tiêu chung về bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ môi trường sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. Định hướng chung tái cơ cấu lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

- Tập trung khai thác một cách tốt nhất các lợi thế về điều kiện tự nhiên đối với ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung vào các nội dung chính như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi có giá trị kinh tế và mức độ thích nghi cao; ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất; kết nối sản xuất nông nghiệp với các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm và công nghiệp chế biến để nâng cấp chuỗi giá trị sản

phẩm và nâng cao giá trị gia tăng.

- Định hướng chiến lược tái cơ cấu ngành nông nghiệp là hướng tới phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

1. Trồng trọt

- Từ nay đến năm 2020, trồng trọt vẫn là ngành quan trọng góp phần tăng thu nhập, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao hiệu quả của ngành trên cơ sở đa dạng hoá ngành hàng sản phẩm, phát huy lợi thế ở từng tiểu vùng;

- Áp dụng các giống cây trồng vật nuôi đạt tiêu chuẩn và ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất hữu cơ, thủy canh... từng bước nâng cao năng suất, chất lượng theo hướng sản xuất hàng hóa nâng tính cạnh tranh giảm giá thành.

- Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm và chỉ dẫn địa lý các ngành hàng chủ lực có giá trị kinh tế cao như: cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, bơ, đậu tương, khoai lang và một số cây dược liệu.

- Đảm bảo chất lượng hàng nông sản đạt được tiêu chuẩn an toàn, nâng cao năng lực cạnh tranh và ổn định đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh.

- Chú trọng nghiên cứu ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch và bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị của các mặt hàng và lợi thế cạnh tranh phục vụ xuất khẩu.

2. Chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao cung cấp thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hướng sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAHP, giảm thiểu các chất hóa học, chất kháng sinh trong sản phẩm và không sử dụng chất kích thích sinh trưởng. Xây dựng các khu chăn nuôi gắn với chế biến công nghiệp, có hệ thống xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ sang phát triển hệ thống chăn nuôi tập trung dưới các hình thức trang trại, gia trại. Từng bước chuyển dịch cơ cấu theo hướng tập trung tăng tỷ trọng chăn nuôi heo thịt, gà đẻ trứng, gà thịt áp dụng công nghệ cao, khép kín bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường. Phát triển chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt có lợi thế cạnh tranh ở Tây Nguyên để tạo ra các sản phẩm chăn nuôi đặc sản của tỉnh.

- Phát triển mạnh công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi để nâng cao giá trị gia tăng, trước hết là phát triển các cơ sở giết mổ giá súc tập trung với công nghệ hiện đại.

- Giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, tăng cường dịch vụ thú y, áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị, phát triển công nghiệp chế biến thức ăn gia súc.

- Xây dựng hệ thống kiểm soát ô nhiễm môi trường (đất và nước) trong

các khu vực chăn nuôi, đồng thời xử lý các phụ phẩm của ngành chăn nuôi tạo ra nguồn phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Dịch vụ nông nghiệp

Khuyến khích các loại hình dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển bao gồm: Dịch vụ sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi; dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp; dịch vụ cơ khí, vận tải nông thôn; các dịch vụ khuyến nông, thú y và tư vấn nông nghiệp; dịch vụ về thị trường và tiêu thụ sản phẩm...

4. Lâm nghiệp

Triển khai thực hiện Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp ở khu vực Tây nguyên nói chung và Đắk Nông nói riêng phải củng cố, bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng tự nhiên nhằm duy trì độ che phủ rừng tự nhiên thông qua các hình thức đồng quản lý và lâm nghiệp cộng đồng. Phát triển công nghiệp chế biến và thương mại sản phẩm gỗ bằng các công nghệ hiện đại, đồng bộ từ sản xuất, cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm thô.

Triển khai thực hiện Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế rừng sản xuất, không thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác; không chuyển đổi cải tạo rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt sang trồng cây công nghiệp và không thực hiện khai thác gỗ trong rừng sản xuất và rừng tự nhiên.

Rừng đặc dụng phát triển theo hướng xây dựng các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Đảm bảo rừng sản xuất trên 80%, rừng phòng hộ 9-11% và rừng đặc dụng 8-9% diện tích đất lâm nghiệp.

5. Thủy sản

- Phát triển nhiều loại hình nuôi trên các vùng sinh thái, đa dạng hóa với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao. Chuyển một phần diện tích nuôi thủy sản hình thức kỹ thuật thấp sang nuôi với hình thức bán thâm canh, thâm canh quy mô công nghiệp ở những nơi có điều kiện thuận lợi. Áp dụng các công nghệ, mô hình nuôi tiên tiến, tiêu chuẩn kỹ thuật mới (VietGAP, BMP, CoC) gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung trên các diện tích ao hồ nhỏ, mặt nước hồ chứa, eo ngách. Với các đối tượng nuôi chủ lực như: cá rô đồng, diêu hồng, cá lăng, rô phi đơn tính, lóc, trê, mè hoa, mè trắng, trôi, trắm, chép. Phát triển nuôi lồng bè, vèo trên các sông, hồ theo hướng bảo vệ môi trường; các đối tượng có giá trị kinh tế như: cá lăng, cá lóc, cá diêu hồng, cá bống tượng. Đầu tư xây dựng hệ thống trại giống thủy sản nước ngọt quy mô cấp tỉnh nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu về số lượng và đảm bảo chất lượng con giống cho nuôi thương phẩm của các địa phương.

- Từng bước chuyển đổi, cơ cấu lại các nghề khai thác thủy sản ở các khu vực sông, hồ, đầm hợp lý, hiệu quả; khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái bền vững nhằm giảm áp lực cho nguồn lợi. Tăng cường công tác bảo vệ và tái tạo nguồn lợi, nghiêm cấm những hành vi gây xâm hại nguồn lợi (kích điện, nổ mìn...), ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và tài nguyên thủy sản. Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong khai thác nhằm nâng cao hiệu quả và bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản. Tăng cường vai trò quản lý dựa vào cộng đồng trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi. Quy định về khu vực khai thác, ngư cụ và mùa vụ khai thác.

- Khuyến khích xây dựng các cơ sở sơ chế các sản phẩm thủy sản và hình thành hệ thống chợ đầu mối về thủy sản để quản lý tốt thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt việc kiểm tra, kiểm soát sử dụng hoá chất độc hại, kháng sinh cấm trong bảo quản, sơ chế thủy sản tại các cơ sở nuôi, thu mua, sơ chế nguyên liệu thủy sản.

III. Nguồn lực triển khai thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được lồng ghép từ các nguồn lực hiện có và dự kiến nguồn lực trong tương lai. Tùy nhiệm vụ cụ thể, các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán trình cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường khả năng thực hiện Kế hoạch.

IV. Phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện

(Chi tiết như phụ lục đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Phụ lục
KẾ HOẠCH CHI TIẾT

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 16 / 10 /2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tổ chức công bố rộng rãi Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh	Năm 2018	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
2	Xây dựng Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
3	Xây dựng các mô hình Hợp tác xã kiểu mới sản xuất kinh doanh hiệu quả bền vững	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất cà phê, hồ tiêu, rau, hoa, bơ, ngô ứng dụng công nghệ cao	Hàng năm	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	Hàng năm	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
6	Xây dựng Đề án sắp xếp, bố trí cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
7	Xây dựng phương án tổng thể phục hồi, cải tạo đất trồng trọt trên địa bàn tỉnh	Năm 2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Xây dựng Đề án phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
9	Triển khai thực hiện Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
10	Triển khai thực hiện các quy hoạch đã phê duyệt về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
11	Triển khai thực hiện dự án quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
12	Xây dựng chương trình phát triển giống bò thịt trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
13	Xây dựng Chương trình phát triển kênh sản xuất, phân phối, tiêu thụ nông sản theo hướng VietGAP đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
14	Xây dựng Đề án nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản	Năm 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
15	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp: chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, công nghệ giám tồn thất sau thu hoạch.	Hàng năm	Sở Công thương	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
16	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
17	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động bảo vệ thực vật	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
18	Nghiên cứu, xây dựng Đề án nâng cao năng lực quản lý hoạt động lâm nghiệp	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
19	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
20	Tham mưu cho UBND tỉnh về hướng đầu tư các dự án và bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cho các dự án để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp	Hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã
21	Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách để ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, trước hết là giống, quy trình canh tác, tưới, bón phân, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tranh thủ các nguồn vốn khoa học công nghệ của Trung ương và tỉnh, cân đối và ưu tiên cho các dự án, đề tài phục vụ mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã
22	Hướng dẫn các doanh nghiệp, Hợp tác xã và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	cho nông sản, thực phẩm; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản, thực phẩm chủ lực của tỉnh để nâng cao giá trị và tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp			
23	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao của tỉnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước	Hàng năm	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
24	Xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch và các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ nông sản của tỉnh. Đề xuất các chính sách để khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với tiêu thụ ổn định.	Hàng năm	Sở Công thương	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
25	Tiếp tục triển khai thực hiện đề án xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020	Hàng năm	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
26	Lồng ghép nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo sản xuất của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã.	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã
27	Đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực cho lao động nông nghiệp, nông thôn	Hàng năm	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
28	Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định về đôn điền, đổi thửa ruộng đất nông nghiệp, thực hiện xây dựng thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013	Năm 2019	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã
29	Tập trung chỉ đạo việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đôn điền đổi thửa. rà soát bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập phương án chuyển đổi linh hoạt quỹ đất trồng lúa; tham mưu xây dựng các chính sách về đất đai để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất hàng hóa.	Hàng năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
30	Tăng cường quản lý môi trường ở các làng nghề, các vùng sản xuất nông sản hàng hóa để đảm bảo phát triển bền vững.	Hàng năm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
31	Tuyên truyền, quán triệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của Chính phủ, của tỉnh; các chủ trương chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước; Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với nâng cao giá trị gia tăng. Hỗ trợ quảng bá, truyền thông về thương hiệu, chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Năm 2018	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
32	Đào tạo và phân luồng học sinh, đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về học nghề và chủ động lựa chọn các loại hình học nghề sau phổ thông.	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
33	Tham mưu giúp UBND tỉnh sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức, biên chế công chức, viên chức đối với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cấp tỉnh, huyện, xã)	Hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
34	Đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.	Hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã
35	Lồng ghép nội dung quy hoạch vào các chương trình dự án tại địa phương, nhất là lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
36	Ban hành kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách của huyện (nếu có) hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với diễn biến tình hình thực tế, nhất là diễn biến về giá cả, thị trường tiêu thụ các nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
37	Xây dựng và tổ chức thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
38	Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt mục tiêu nội dung của Đề án; các chủ trương chính sách của tỉnh, của huyện, thị xã và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
39	Củng cố Hợp tác xã hiện có, hỗ trợ thành lập Hợp tác xã mới, tổ hợp theo luật Hợp tác xã năm 2012	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
40	Chuyên đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang rau màu hoặc mô hình canh tác khác có hiệu quả cao hơn gắn với thị trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật;	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
41	Xây dựng các liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản giữa nông dân với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với cánh đồng mẫu, trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản hoặc vùng chuyên đổi	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
42	Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tiếp tục rà soát bổ sung các quy hoạch cấp xã, lồng ghép giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu vào các quy hoạch; tăng cường quản lý và thực hiện đúng	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	các quy hoạch đã được phê duyệt.			
43	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan tổ chức tốt các mô hình thí điểm ở cấp xã. Trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng ra phạm vi toàn huyện	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
44	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn vào địa bàn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông sản	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan
45	Thường xuyên kiểm tra đánh giá, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Đề án về UBND tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành liên quan

no2

